

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƠN TRẠCH  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **163** /2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/12/2023  
V/v tranh chấp: “Không công nhận  
là vợ chồng”

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoài Đức Huệ

Bà Trần Thanh Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:***  
Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “ Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1113/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh **Phạm Hoàng T**, sinh năm 1991;

HKTT: **Khóm D, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.**

Tạm trú: **Áp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.**

**- Bị đơn:** Chị **Nguyễn Kiều D**, sinh năm 1989;

HKTT: **Khóm D, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.**

Tạm trú: **Áp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.**

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

### \* Nguyên đơn anh **Phạm Hoàng T** trình bày:

Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bỏ sung, thay đổi, không rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị **Nguyễn Kiều D** yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2010 nhưng chúng tôi không tiến hành đăng ký kết hôn. Tôi và chị **D** cùng sống từ nhỏ tại **thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau** và có hộ khẩu tại **thị trấn U, huyện U tỉnh Cà Mau**. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau nữa. Chúng tôi không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Do không còn tình cảm, chúng tôi không có đăng ký kết hôn mà chỉ sống chung như vợ chồng nên đề nghị Toà án giải quyết không công nhận cho chúng tôi là vợ chồng.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là **Phạm Triệu V**, sinh ngày 24/05/2011 và **Phạm An V1**, sinh ngày 09/3/2020. Tôi yêu cầu được nuôi cháu **An V1** và giao cháu **Triệu V** cho chị **D** nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### \*Bị đơn chị Nguyễn Kiều D trình bày:

Tôi thống nhất với phần trình bày của anh **T** về hoàn cảnh hôn nhân của chúng tôi.

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh **Phạm Hoàng T** yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2010 nhưng chúng tôi không tiến hành đăng ký kết hôn. Tôi và anh **T** cùng sống từ nhỏ tới lớn tại **thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau** và có hộ khẩu tại **thị trấn U, huyện U tỉnh Cà Mau**. Khi lớn lên, chúng tôi yêu thương và chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nên nay không còn chung sống với nhau nữa. Chúng tôi không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Do không còn tình cảm, chúng tôi không có đăng ký kết hôn mà chỉ sống chung như vợ chồng nên đề nghị Toà án giải quyết không công nhận cho chúng tôi là vợ chồng.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là **Phạm Triệu V**, sinh ngày 24/05/2011 và **Phạm An V1**, sinh ngày 09/3/2020. Tôi yêu cầu được nuôi cháu **Phạm Triệu V** và đồng ý giao cháu **Phạm An V1** cho anh **T** nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Anh **Phạm Hoàng T** và chị **Nguyễn Kiều D** tự nguyện chung sống vào năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Nay anh **Thương yêu c** xét xử không công nhận là vợ chồng với chị **D**, anh chị có 02 con chung là **Phạm Triệu V**, sinh ngày 24/05/2011 và **Phạm An V1**, sinh ngày 09/3/2020. Anh chị thoả thuận giao cháu **Triệu V** cho chị **D** nuôi dưỡng và giao cháu **An V1** cho anh **T** nuôi dưỡng, tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh **Phạm Hoàng T** và chị **Nguyễn Kiều D** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Anh **Phạm Hoàng T** yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với chị **Nguyễn Kiều D** do anh chị chung sống vào năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Các đương sự cùng cư trú tại **ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, **Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch** có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định “Không công nhận là vợ chồng”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là anh **Phạm Hoàng T**, bị đơn là chị **Nguyễn Kiều D**.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Phạm Hoàng T** chung sống với chị **Nguyễn Kiều D** vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 nên hôn nhân trên không được xem là hợp pháp. Nay anh **Thương yêu c** xét xử không công nhận là vợ chồng với chị **D**, tại hồ sơ chị **D** cũng xác nhận anh chị chung sống như vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh **T**. Bên cạnh đó các đương sự cũng đã cung cấp cho Tòa án văn bản xác nhận của địa phương nơi các đương sự có đăng ký thường trú, xác định anh **T** và chị **D** không tiến hành đăng ký kết hôn tại địa phương. Như vậy, xét yêu cầu của anh **T** là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị **D** và anh **T** khai nhận có 02 con chung là **Phạm Triệu V**, sinh ngày 24/05/2011 và **Phạm An V1**, sinh ngày 09/3/2020. Anh chị thống nhất giao cháu **Phạm Triệu V** cho chị **D** nuôi dưỡng, giao cháu **Phạm An V1** cho anh **T** nuôi dưỡng, tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con. Bên cạnh đó cháu **Triệu V** đã trên 7 tuổi cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Các đương sự đều thống nhất về việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của anh **T** là phù hợp.

[5]. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Anh **T** phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000; Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Phạm Hoàng T** về việc “Không công nhận là vợ chồng” đối với bị đơn chị **Nguyễn Kiều D**.

1. Xử: Không công nhận anh **Phạm Hoàng T** và chị **Nguyễn Kiều D** là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu **Phạm Triệu V**, sinh ngày 24/05/2011 cho chị **Nguyễn Kiều D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu **Phạm An V1**, sinh ngày 09/3/2020 cho anh **Phạm Hoàng T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Phạm Hoàng T** và chị **Nguyễn Kiều D** được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

2. Về án phí: Anh **Phạm Hoàng T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002218 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Anh **Phạm Hoàng T** đã nộp đủ án phí.

Anh **Phạm Hoàng T** và chị **Nguyễn Kiều D** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Oanh**

